

Số: /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 6 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Khu tái định cư phục vụ công tác giải phóng mặt bằng dự án tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng, huyện Cao Lộc**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 2014/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án Tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT; Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 và Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 06/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh dự án tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 109/TTr-SXD ngày 12/6/2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Khu tái định cư phục vụ công tác giải phóng mặt bằng dự án Tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng, huyện Cao Lộc như sau:

1. Tên dự án: Khu tái định cư phục vụ công tác giải phóng mặt bằng dự án Tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng, huyện Cao Lộc.

## 2. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:

- Khu tái định cư Thụy Hùng: tại bên trái Km7+200/QL.1A thuộc địa phận xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc; diện tích khu đất 4,902 ha.

- Khu tái định cư Hợp Thành: tại bên trái tuyến từ km1+00-Km1+300m/ĐH.28, thuộc địa phận xã Hợp Thành, huyện Cao Lộc; diện tích khu đất 3,67 ha.

- Khu tái định cư Yên Trạch: tại phía bên trái ngang Km23+830/QL.1A, thuộc địa phận xã Yên Trạch; diện tích khu đất 4,947 ha.

## 3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn.

4. Chủ đầu tư: UBND huyện Cao Lộc (trong đó đơn vị được UBND huyện Cao Lộc giao thực hiện nhiệm vụ Chủ đầu tư thực hiện công tác trích đo địa chính, công tác di chuyển công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án: Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Cao Lộc).

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Liên danh Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng giao thông Lạng Sơn, Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng và quy hoạch đô thị, Công ty TNHH Minh Hồng LS, Công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại Tân Minh.

6. Nhóm dự án, loại, cấp công trình, thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính thuộc dự án:

- Loại dự án đầu tư xây dựng có công năng phục vụ hỗn hợp, nhóm B.

- Loại, cấp công trình chính thuộc dự án: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp III.

7. Mục tiêu dự án: Đầu tư xây dựng Khu tái định cư để bố trí tái định cư, tạo điều kiện về đất ở, ổn định đời sống cho các hộ dân bị ảnh hưởng do thu hồi đất để thực hiện dự án Tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng, huyện Cao Lộc.

## 8. Quy mô đầu tư

### 8.1. Quy mô đầu tư xây dựng

Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ (san nền, giao thông, cấp điện, chiếu sáng; cấp nước, thoát nước, phòng cháy chữa cháy) cho 03 khu tái định cư với tổng quy mô diện tích sử dụng đất 13,519ha, quy mô dân số khoảng 1.216 người tương đương 304 ô tái định cư, trong đó:

a) Khu tái định cư Thụy Hùng: diện tích 4,902ha, quy mô dân số khoảng 520 người tương đương 130 ô tái định cư, cụ thể:

- San nền, diện tích 4,902ha.

- Đường giao thông, gồm 05 tuyến đường nội bộ và 01 tuyến kết nối với đường hiện trạng, tổng chiều dài 937,67m.

- Cấp nước: xây dựng đường ống cấp nước D100 từ khu Logistics viettel

đến khu tái định cư, tổng chiều dài tuyến ống 2,6km. Xây dựng bể nước sinh hoạt kết hợp phòng cháy, chữa cháy dung tích 300m<sup>3</sup>.

- Thoát nước:

+ Thoát nước mưa: tổng chiều dài tuyến cống thoát nước mưa 836m.

+ Thoát nước thải: tổng chiều dài tuyến cống 1.050m.

+ 01 Trạm xử lý nước thải công suất 70m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Cấp điện: xây dựng đường dây trung thế 22kV cấp điện cho trạm biến áp dài 44m, trạm biến áp 560kVA-22/0,4kV, tuyến đường dây hạ thế 0,4kV dài 1.325m cấp điện sinh hoạt và hệ thống tuyến đường dây cấp chiếu sáng khu tái định cư dài khoảng 1.160km.

- Hệ thống phòng cháy, chữa cháy gồm: sử dụng chung bể nước của khu tái định cư, bể nước chữa cháy ngoài nhà có dung tích 108m<sup>3</sup>, đường ống và trụ chữa cháy đặt nổi D110mm.

b) Khu tái định cư Hợp Thành: diện tích 3,67ha, quy mô dân số khoảng 400 người tương đương 100 ô tái định cư, cụ thể:

- San nền trong phạm vi khu đất 3,67 ha gồm san nền khu tái định cư và mái taluy đào.

- Đường giao thông, gồm 04 tuyến đường nội bộ, tổng chiều dài 767,26m.

- Cấp nước: xây dựng đường ống cấp nước sạch D=110mm từ trạm bơm nước huyện Cao Lộc, tổng chiều dài tuyến ống 1.328m; ống cấp nước sạch cho các hộ D=63mm dài 1.900m. Xây dựng bể nước dung tích 212m<sup>3</sup>, trong đó bể nước sinh hoạt 104m<sup>3</sup> và bể nước chữa cháy 108m<sup>3</sup>.

- Thoát nước:

+ Thoát nước mưa: sử dụng ống bê tông cốt thép D400mm, D800mm, D1.000mm, tổng chiều dài tuyến cống thoát nước mưa 873m.

+ Tuyến cống hộp thoát nước suối dài 346,83m.

+ Thoát nước thải: sử dụng ống bê tông cốt thép D300mm, tổng chiều dài tuyến cống 2.206m.

+ 01 Trạm xử lý nước thải công suất 60m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Cấp điện: xây dựng đường dây trung thế 35kV dài khoảng 38m cấp điện cho trạm biến áp xây mới công suất 560kVA-35/0,4kV, tuyến đường dây hạ thế 0,4kV dài khoảng 982m cấp điện sinh hoạt và tuyến đường dây cấp điện chiếu sáng cho khu tái định cư dài khoảng 878m.

- Hệ thống phòng cháy chữa cháy gồm: sử dụng chung bể nước của khu tái định cư, bể nước chữa cháy ngoài nhà có dung tích 108m<sup>3</sup>, đường ống và trụ chữa cháy đặt nổi D=110mm.

c) Khu tái định cư Yên Trạch: diện tích 4,947ha, quy mô dân số khoảng 296 người tương đương 74 ô tái định cư.

- San nền trong phạm vi khu đất 4,947ha gồm san nền khu tái định cư diện tích 1,463ha và mái taluy đào dài 240m, khoảng cách mái đào cao nhất 38,83m.
- Đường giao thông, gồm 03 tuyến đường nội bộ, tổng chiều dài 909,89m.
- Cấp nước: xây dựng giếng khoan kết hợp trạm cấp nước ngầm cấp nước cho dự án công suất 100m<sup>3</sup>/ng.đ; xây dựng bể chứa nước dung tích 210m<sup>3</sup> kết hợp trạm bơm tăng áp công suất 250m<sup>3</sup>/ng.đ; tuyến ống cấp nước phân phối sử dụng ống HDPE D110mm, D63mm tổng chiều dài tuyến ống 1.110m.
- Thoát nước:
  - + Thoát nước mưa: sử dụng ống bê tông cốt thép D300mm, D600mm, D800mm, D1.000mm, tổng chiều dài tuyến cống thoát nước mưa 772m; tuyến rãnh hờ B800 thoát nước chân taluy dài 385m.
  - + Thoát nước thải: sử dụng ống bê tông cốt thép D300mm, tổng chiều dài tuyến cống 600m.
  - + 01 Trạm xử lý nước thải công suất 60m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- Cấp điện: xây dựng đường dây trung thế 35kV cấp điện cho trạm biến áp xây mới công suất 400kVA-35/0,4kV, tuyến đường dây hạ thế 0,4kV cấp điện sinh hoạt và tuyến đường dây cấp điện chiếu sáng cho khu tái định cư.
- Hệ thống phòng cháy chữa cháy gồm: sử dụng chung bể nước của khu tái định cư, đường ống cấp nước HDPE D110mm và các trụ cấp nước chữa cháy đặt nổi khoảng cách 120m/trụ.

## 8.2. Các giải pháp thiết kế chủ yếu như sau

### 8.2.1 Khu tái định cư Thụy Hùng

#### a) San nền

- Diện tích đào nền 19.185,67m<sup>2</sup>; diện tích đắp nền 7.221,11m<sup>2</sup>.
- Cao độ san nền cao nhất +279,05m, cao độ san nền thấp nhất +280,60m; hướng dốc san nền từ phía Đông Bắc xuống Tây Nam; độ chặt đất đắp san nền K=0,9.
- Mái taluy: độ dốc mái taluy đào 1/0,75-1/1,25, độ dốc mái taluy đắp là 1/1,5. Kè mái taluy bằng bê tông xi măng tại vị trí phía Tây Nam của khu đất, chiều dài 46m.
- Đất thừa đi đổ tại bãi đổ thải của dự án Tuyến cao tốc Hữu Nghị - Chi Lăng cách dự án 2km.

#### b) Đường giao thông:

Gồm 05 tuyến đường nội bộ và 01 tuyến kết nối với đường hiện trạng, tổng chiều dài 937,67m.

STT	Tên tuyến	Chiều dài (m)	Bề rộng nền đường (m)	Bề rộng lòng đường (m)	Bề rộng vỉa hè (m)
1	Tuyến N1+ N2	405,44	12	6,0	2 x 3
2	Tuyến N3	160,86	12	6,0	2 x 3

3	Tuyến N4	62,2	12	6,0	2 x 3
4	Tuyến N5	227,86	11,3-12	6,0	2 x 3 và (2,3 - 3)
5	Tuyến N6	81,31	12	6,0	2 x 3

- Độ dốc dọc tuyến lớn nhất  $i=5,1\%$ , độ dốc ngang mặt đường  $i=2\%$ , độ dốc vỉa hè  $i=1\%$ .

- Vận tốc thiết kế: 20km/h, bán kính đường cong trong đường nội thị:  $R=11m$ . Nút giao giữa các tuyến trong khu vực được thiết kế mở rộng góc giao theo bán kính  $R=5-8m$ .

- Kết cấu áo đường: sử dụng kết cấu áo đường mềm, lớp mặt A1 với mô đun đàn hồi yêu cầu  $E_{yc} \geq 120Mpa$ , kết cấu từ trên xuống dưới như sau: mặt đường bê tông nhựa chặt 12.5, dày 7cm; tưới nhựa thấm bảm  $1,0kg/m^2$ ; lớp móng cấp phối đá dăm loại I, dày 15cm; lớp móng cấp phối đá dăm loại II, dày 25cm; lớp đất đầm chặt  $K \geq 0,98$ , dày 50cm.

- Cải tạo lại suối hiện trạng của khu tái định cư, chiều dài suối 391,27m; xây dựng kè dọc 2 bên bờ suối trái và phải kè cao 3,5m, phạm vi thông thủy dòng suối sau cải tạo là 6m. Tại một số vị trí đóng cọc tre gia cường, mật độ cọc 25 cọc/ $m^2$ , cọc dài từ 5-8m; đường cong suối có bán kính  $R=17,4m$ .

- Thiết kế rãnh biên, hè đường, cây xanh:

+ Bó vỉa lắp ghép bằng bê tông xi măng mác 200, kích thước (26x23x100) cm, móng lót bằng vữa xi măng mác 100 dày 2cm.

+ Kết cấu rãnh biên lắp ghép bằng bê tông xi măng mác 200, kích thước (25x50x6)cm, đặt trên lớp lót vữa xi măng mác 100, dày 4cm. Độ dốc rãnh biên nghiêng từ mặt đường vào mép bó vỉa  $i=20\%$ .

+ Vỉa hè đường: độ dốc ngang vỉa hè  $i=1,5\%$  hướng thoát nước ra phía mặt đường. Phần lát hè dùng chung loại kết cấu từ trên xuống dưới gồm: gạch tự chèn, dày 6cm; lớp cát đen tạo phẳng dày 2cm; bê tông xi măng mác 100, dày 10cm; lớp nilon chống thấm; nền đất đầm chặt  $K=0,95$ .

+ Bó gáy hè: xây gạch bê tông xi măng, dày 11cm, cao 22cm bằng vữa xi măng mác 75, móng bằng bê tông xi măng mác 100, dày 10cm.

+ Cây xanh trên vỉa hè: trồng cây xanh vào các hố chờ sẵn, khoảng cách trung bình 10m-20m/cây tùy vào từng vị trí. Kết cấu bồn trồng cây như sau: các bồn trồng cây xây bằng gạch bê tông xi măng vữa xi măng mác 75, kích thước bồn cây (10,5x6,5x22)cm; trát bồn cây bằng vữa xi măng mác 75, dày 1,5cm. Các cây được trồng sử dụng cây tiểu mộc có chiều cao tối thiểu từ 1,5m trở lên, đường kính cổ rễ từ 5cm trở lên; đối với các cây trung mộc và cây đại mộc có chiều cao tối thiểu từ 3m trở lên, đường kính cổ rễ từ 10cm trở lên.

- An toàn giao thông: thiết kế hệ thống vạch sơn biển báo hiệu trên lòng đường; kích thước, màu sắc và kiểu chữ ghi trên biển theo Quy chuẩn Việt Nam QCVN 41:2024/BGTVT về quy chuẩn Quốc Gia về báo hiệu đường bộ.

c) Hệ thống cấp điện, chiếu sáng:

- Đường dây trung thế 22KV: nguồn điện đầu nối cấp cho đường dây trung

thế 22KV được lấy từ cột néo xây dựng mới số 84 lộ 471E13.6; khoảng 44m đường dây đi nổi cấp điện đến vị trí cột trung thế (sử dụng loại cột bê tông dự ứng lực); đường dây dẫn sử dụng cáp nhôm lõi thép AC 95/16-XLPE2.5/HDPE; lắp kim thu sét toàn tuyến và có dây rồng thoát sét riêng từ ngọn cột xuống tới gốc.

+ Khoảng 5m đường dây đi ngầm cấp cho vị trí TBA cho Khu tái định cư tại xã Thụy Hùng, nguồn điện cấp từ cáp trung thế sang máy biến áp sử dụng dây CU/XLPE/PVC - 24kV (1x50mm<sup>2</sup>)

- Trạm biến áp: xây mới 01 trạm biến áp, công suất 560kVA-22/0,4kV để cấp điện cho hệ thống đường dây 0,4KV của Khu tái định cư; Trạm thiết kế kiểu treo, vị trí trạm đặt ở phía Tây Nam khu đất thực hiện dự án.

- Cấp điện hạ thế 0,4KV: xây dựng tuyến đường dây 0,4VV sau TBA KDC 560kVA-22/0,4kV xây dựng mới, chiều dài tuyến 1,325km. Cáp xuất tuyến từ trạm biến áp cấp nguồn cho tủ điện tổng được sử dụng cáp ngầm Cu/XLPE/DSTA/PV(4x95)mm<sup>2</sup> luồn trong ống nhựa xoắn HDPE, đi ngầm dọc theo vỉa hè khu dân cư.

- Cấp điện chiếu sáng:

+ Hệ thống chiếu sáng hè phố đi ngầm trong hào cáp, chiều dài tuyến 1,160km; Cột đèn loại cột thép bát giác tròn, cột liền cần cao 10m. Cần đèn đơn, vươn 1,5m. Móng cột: móng dùng loại bê tông xi măng mác 200; đèn đường dùng đèn led công suất 150w-220v.

+ Dây dẫn: từ trạm biến áp đến tủ điện chiếu sáng và từ tủ điện chiếu sáng đến các cột chiếu sáng dùng cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-(4x16)mm. Dây từ đường trục rẽ vào mỗi đèn dùng dây Cu/PVC-(2x2,5)mm luồn trong thân đèn.

+ Hệ thống chiếu sáng đường phố được điều khiển bằng tủ tự động điều khiển chiếu sáng (TĐKCS) đặt ở trạm biến áp. Nguồn điện cấp cho các tủ này được lấy từ lộ ra của trạm biến áp xây dựng mới.

d) Hệ thống cấp nước

- Nguồn cấp nước cho dự án được lấy từ khu logistics viettel cách khu tái định cư xã Thụy Hùng khoảng 2,6km; sử dụng đường ống cấp nước D110mm từ điểm đầu nổi cấp đến bể chứa nước chung của khu tái định cư. Thông qua nhà trạm bơm, nước từ bể chứa nước sử dụng đường ống HDPE đường kính D63mm cấp nước sinh hoạt, sử dụng đường ống HDPE đường kính D110mm cấp đến các trụ chữa cháy. Toàn bộ đường ống đi ngầm dưới vỉa hè dọc các tuyến đường giao thông.

- Nhà trạm bơm cấp nước từ bể chứa nước chung của khu tái định cư dung tích 300m<sup>3</sup> (trong đó bể nước sinh hoạt 192m<sup>3</sup> và bể nước chữa cháy 108m<sup>3</sup>) sử dụng bể bằng bê tông cốt thép phục vụ nhu cầu sinh hoạt và phòng cháy chữa cháy. Các trụ cứu hỏa (4 trụ) được bố trí trên tuyến ống cấp nước phân phối có đường kính D110m, các trụ được đặt trên các tuyến đường phù hợp với địa hình, khoảng cách giữa các trụ chữa cháy 120m-150m.

e) Hệ thống thoát nước

- Thoát nước mưa: nước mưa được thu gom qua các hố ga (66 hố) thu nước dọc các tuyến đường vào hệ thống cống và hố ga. Hệ thống cống thoát nước mưa đặt ngầm dưới đường giao thông, cống thoát nước mưa sử dụng các loại cống tròn D400 (dài 116m); cống tròn D600 (dài 277m); cống tròn D800 (dài 443m) bằng bê tông cốt thép chịu lực, hệ thống rãnh bê tông xi măng thu nước chân taluy; độ dốc cống thoát nước mưa được thiết kế đảm bảo thoát nước trên nguyên tắc tự chảy sau đó thoát ra vị trí suối cải dòng mới và chảy ra khu vực cống hộp thuộc tuyến cao tốc Hữu Nghị - Chi Lăng nằm tại phía Tây khu đất thực hiện dự án.

- Thoát nước thải: hệ thống thoát nước thải thiết kế theo nguyên tắc tự chảy; nước thải sinh hoạt thông qua đường ống gom sử dụng ống HDPE D300mm chạy dọc hành lang hạ tầng giữa 2 dãy nhà và dọc hệ đường giao thông nội bộ sau đó thông qua hố ga thu gom nước và cống thoát nước thải rồi về trạm xử lý nước thải có công suất 70m<sup>3</sup>/ngày đêm được đặt trong dự án; nước thải sau khi được xử lý tại trạm xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn tại cột B QCVN 14:2008/BTNMT mới được dẫn thoát ra khe thoát nước hiện trạng ở phía Tây khu đất thực hiện dự án. Trạm xử lý nước thải được thiết kế xây dựng hoàn chỉnh gồm các hạng mục nhà điều hành, các máy móc thiết bị khác, với công suất 70m<sup>3</sup>/ngày đêm.

#### 8.2.2. Khu tái định cư Hợp Thành

##### a) San nền

- Khối lượng đào nền 61.682,66m<sup>3</sup>, khối lượng đào taluy 33.664.97m<sup>3</sup>; khối lượng đắp nền 40.963.98m<sup>3</sup>.

- Cao độ thiết kế san nền cao nhất +281.00m, cao độ thiết kế thấp nhất +273.5m. Hướng dốc san nền từ phía Đông Bắc xuống Tây Nam; độ chặt đất đắp san nền K=0,95.

- Mái taluy: độ dốc mái taluy đào 1/0,75-1/1,25; độ dốc mái taluy đắp là 1/1,5 (*mái taluy cao  $\geq 12m$ ; đào giạt cấp để mái taluy giữ ổn định, chiều cao mỗi cấp từ 8,0m đến 10,0m, bề rộng 1-2m, dốc 15% ra phía ngoài, bố trí gia cố khung BTCT trên mái taluy*).

- Đất thừa đi đổ tại bãi đổ thải của dự án Tuyến cao tốc Hữu Nghị - Chi Lăng cách dự án 10,5km.

##### b) Đường giao thông, gồm 04 tuyến đường với tổng chiều dài 767,26m.

STT	Tên tuyến	Chiều dài (m)	Bề rộng nền đường (m)	Bề rộng lòng đường (m)	Bề rộng vỉa hè (m)
1	Tuyến 03	134,60	12	6,0	2 x 3
2	Tuyến 05	370,53	12	6,0	2 x 3
3	Tuyến 06	209,38	12	6,0	2 x 3
4	Tuyến 07	52,75	12	6,0	2 x 3

- Độ dốc dọc tuyến lớn nhất  $i=5,51\%$ , độ dốc ngang mặt đường  $i=2\%$ , độ dốc vỉa hè  $i=1,5\%$ .

- Vận tốc thiết kế: 20km/h, bán kính đường cong trong đường nội thị:  $R = 15\text{m}$ . Nút giao giữa các tuyến trong khu vực được thiết kế mở rộng góc giao theo bán kính  $R = 8\text{-}10\text{m}$ .

- Kết cấu áo đường: sử dụng kết cấu áo đường mềm, lớp mặt A1 với mô đun đàn hồi yêu cầu  $E_{yc} \geq 120\text{Mpa}$ , kết cấu từ trên xuống dưới như sau: mặt đường bê tông nhựa chặt 12.5 dày 7cm; tưới nhựa thấm bảm  $1,0\text{kg/m}^2$ ; lớp móng cấp phối đá dăm loại I, dày 15cm; lớp móng cấp phối đá dăm loại II, dày 25cm; lớp đất đầm chặt  $K \geq 0,98$ , dày 50cm.

- Thiết kế rãnh biên, hè đường, cây xanh:

+ Bó vỉa lắp ghép bằng bê tông mác 200, kích thước (26x23x100)cm, móng lót bằng vữa xi măng mác 100 dày 2cm.

+ Kết cấu rãnh biên lắp ghép bằng bê tông mác 200, kích thước (25x50x6)cm, đặt trên lớp lót vữa xi măng mác 100, dày 4cm. Độ dốc rãnh biên nghiêng từ mặt đường vào mép bó vỉa  $i = 20\%$ .

+ Vĩa hè đường: độ dốc ngang vĩa hè  $i = 1,5\%$  hướng thoát nước ra phía mặt đường. Phần lát hè dùng chung loại kết cấu từ trên xuống dưới gồm: gạch tự chèn, dày 6cm; lớp cát đen tạo phẳng dày 2cm; bê tông xi măng mác 100, dày 10cm; lớp nilon chống thấm; nền đất đầm chặt  $K = 0,95$ .

+ Bó gáy hè: xây gạch bê tông xi măng, dày 11cm, cao 22cm bằng vữa xi măng mác 75, móng bằng bê tông xi măng mác 100, dày 10cm.

+ Cây xanh trên vĩa hè: trồng cây xanh vào các hố chờ sẵn, khoảng cách trung bình 8m-10m/cây tùy vào từng vị trí. Kết cấu bồn trồng cây như sau: các bồn trồng cây xây bằng gạch không nung vữa xi măng mác 75; trát bồn cây bằng vữa xi măng mác 75, dày 1,5cm. Các cây được trồng sử dụng cây tiểu mộc có chiều cao tối thiểu từ 1,5m trở lên, đường kính cổ rễ từ 5cm trở lên; đối với các cây trung mộc và cây đại mộc có chiều cao tối thiểu từ 3m trở lên, đường kính cổ rễ từ 10cm trở lên.

- An toàn giao thông: thiết kế hệ thống vạch sơn biển báo hiệu trên lòng đường; kích thước, màu sắc và kiểu chữ ghi trên biển theo Quy chuẩn Việt Nam QCVN 41:2024/BGTVT về quy chuẩn Quốc Gia về báo hiệu đường bộ. Các loại vạch sơn được thiết kế trong dự án như: vạch 1.1; vạch 7.3; vạch 9.3; vạch giảm tốc độ,...

c) Hệ thống cấp điện, chiếu sáng:

- Đường dây trung thế 35KV: nguồn điện đầu nối cấp cho đường dây trung thế 35KV được lấy từ cột néo xây dựng 68 lộ 376E13.2, trong đó:

+ Khoảng 38m đường dây đi nối cấp điện đến vị trí cột trung thế (*sử dụng loại cột bê tông dự ứng lực*); đường dây dẫn sử dụng cáp nhôm lõi thép AS70/11; lắp kim thu sét toàn tuyến và có dây ròng thoát sét riêng từ ngọn cột xuống đất.

+ Khoảng 5m đường dây đi ngầm cấp cho vị trí TBA cho khu tái định cư tại xã Hoà Cư, nguồn điện cấp từ cáp trung thế sang máy biến áp sử dụng dây CU/XLPE/PVC (24kV)  $1 \times 50\text{mm}^2$ .



- Trạm biến áp: xây mới 01 trạm biến áp, công suất 560kVA-35/0,4kV để cấp điện cho hệ thống đường dây 0,4KV của khu tái định cư; Trạm thiết kế kiểu treo, trụ thép 1 cột tròn bộ. Vị trí trạm đặt ở phía Nam của dự án.

- Cấp điện hạ thế 0,4KV: xây dựng tuyến đường dây 0,4kV sau TBA KDC 560kVA-35/0,4kV xây dựng mới, chiều dài tuyến 0,982km. Cấp xuất tuyến từ trạm biến áp cấp nguồn cho tủ điện tổng được sử dụng cáp ngầm Cu/XLPE/DSTA/PV(4x70)mm<sup>2</sup> luồn trong ống nhựa xoắn HDPE, đi ngầm dọc theo vỉa hè khu dân cư.

- Cấp điện chiếu sáng:

+ Hệ thống chiếu sáng hè phố đi ngầm trong hào cáp, chiều dài tuyến 878m.

+ Cột đèn loại cột thép bát giác tròn, cột liền cần cao 10m. Cần đèn đơn, vươn 1,5m. Móng cột: móng dùng loại bê tông mác 200; đèn đường: dùng đèn led công suất 150W.

+ Dây dẫn: từ trạm biến áp đến tủ điện chiếu sáng và từ tủ điện chiếu sáng đến các cột chiếu sáng dùng cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC (4x16)mm<sup>2</sup>. Dây từ đường trục rẽ vào mỗi đèn dùng dây Cu/PVC (2x2,5)mm<sup>2</sup> luồn trong thân đèn.

+ Hệ thống chiếu sáng đường phố được điều khiển bằng tủ tự động điều khiển chiếu sáng (TĐKCS) đặt ở trạm biến áp. Nguồn điện cấp cho các tủ này được lấy từ lộ ra của trạm biến áp xây dựng mới trong khu vực.

d) Hệ thống cấp nước

- Nguồn cấp nước cho dự án được lấy từ trạm bơm nước huyện Cao Lộc, tổng chiều dài tuyến ống 1.500m; sử dụng đường ống cấp nước D=110mm từ điểm đầu nối cấp đến bể chứa nước chung của khu tái định cư. Từ nhà trạm bơm, nước từ bể chứa nước sử dụng đường ống HDPE đường kính D=63mm cấp nước sinh hoạt, sử dụng đường ống HDPE đường kính D=110mm cấp đến các trụ chữa cháy. Toàn bộ đường ống đi ngầm dưới vỉa hè dọc các tuyến đường giao thông.

- Nhà trạm bơm cấp nước từ bể chứa nước chung của khu tái định cư dung tích 212m<sup>3</sup> (trong đó bể nước sinh hoạt 104m<sup>3</sup> và bể nước chữa cháy 108m<sup>3</sup>) sử dụng bể bằng bê tông cốt thép phục vụ nhu cầu sinh hoạt và phòng cháy, chữa cháy. Các trụ cứu hỏa (09 trụ) được bố trí trên các tuyến ống cấp nước phân phối có đường kính D=110mm, các trụ được đặt trên các tuyến đường phù hợp với địa hình, khoảng cách giữa các trụ chữa cháy tối đa 150m.

e) Hệ thống thoát nước

- Thoát nước mưa:

+ Nước mưa được thu gom dọc các tuyến đường vào hệ thống cống và hố ga. Hệ thống cống thoát nước mưa đặt ngầm dưới đường giao thông, cống thoát nước mưa sử dụng các loại cống tròn D=400mm (dài 92m); cống tròn D=800mm (dài 452m); cống tròn D=1000mm (dài 320m) bằng bê tông cốt thép chịu lực, hệ thống rãnh bê tông xi măng thu nước chân taluy; độ dốc cống thoát nước mưa được thiết kế đảm bảo thoát nước trên nguyên tắc tự chảy sau đó thoát

ra vị trí suối ở phía Tây Bắc khu đất thực hiện dự án.

+ Hệ thống công hộp thoát nước suối hiện trạng tiết diện (4x4)m, đáy cống lót bê tông xi măng mác 150, dày 10cm; đáy cống, thành cống, mặt cống bằng bê tông cốt thép mác 250, dày 20cm.

- Thoát nước thải:

+ Hệ thống thoát nước thải thiết kế theo nguyên tắc tự chảy; nước thải sinh hoạt thông qua đường ống gom sử dụng ống HDPE D=300mm chạy dọc hành lang hạ tầng giữa các dãy nhà và dọc hè đường giao thông nội bộ sau đó thông qua hố ga thu gom nước và cống thoát nước thải rồi về trạm xử lý nước thải có công suất 60m<sup>3</sup>/ngày đêm được đặt trong dự án; nước thải sau khi được xử lý tại trạm xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn tại cột B QCVN 14:2008/BTNMT mới được dẫn thoát ra khe thoát nước hiện trạng ở phía Tây Bắc của khu đất thực hiện dự án.

+ Trạm xử lý nước thải được thiết kế xây dựng hoàn chỉnh gồm các hạng mục nhà điều hành, các máy móc thiết bị khác, với công suất 60m<sup>3</sup>/ngày đêm.

### 8.2.3. Khu tái định cư Yên Trạch

#### a) San nền

- Diện tích đào nền 12.962,84m<sup>2</sup>; diện tích đắp nền 1.667,63m<sup>2</sup>

- Cao độ thiết kế san nền cao nhất +274.50m, cao độ thiết kế thấp nhất +270.70m. Hướng dốc san nền từ phía Đông sang Tây; độ chặt đất đắp san nền K=0,95.

- Mái ta luy: tuyến dài 468,48m, khoảng cách cao nhất 38,83m, độ dốc mái ta luy đào lớn nhất 48%.

- Gia cố mái taluy:

+ Đào giạt cấp để mái ta luy giữ ổn định, chiều cao trung bình mỗi cấp lớn nhất 8,0m, bề rộng mặt cơ 2m, dốc 15% vào phía trong.

+ 02 cơ dưới cùng gia cố bằng tường chắn bê tông cốt thép mác 250, cao 8m, đỉnh rộng 0,45m, đáy rộng 1,25m, dốc mặt mái 1:0,4; các cơ phía trên ngả mái 1:0,5, gia cố bằng hệ thống khung bê tông cốt thép (0,25x0,25)m mạng ô vuông (3x3)m liên kết với mái bằng đỉnh thép dài (2,9-5,85)m, D25mm, D32mm, mặt mái trồng cỏ; cơ trên cùng ngả mái 1:1 gia cố bằng bê tông cốt thép (0,25x0,25)m mạng ô vuông (3x3)m liên kết với mái bằng đỉnh thép dài 5,85m, D32mm, mặt mái bố trí lưới thép kết hợp trồng cỏ.

- Đất thừa đi đổ tại bãi đổ thải số 14 của dự án Tuyến cao tốc Hữu Nghị - Chi Lăng cách dự án 5km.

b) Đường giao thông, gồm 03 tuyến đường với tổng chiều dài 909,89m.

STT	Tên tuyến	Chiều dài (m)	Bề rộng nền đường (m)	Bề rộng lòng đường (m)	Bề rộng vỉa hè (m)
1	Tuyến N1	435,14	12-15	6-9	2 x 3
2	Tuyến D1	207,84	12-15	6-9	2 x 3

3	Tuyến đầu nối	266,91	3,5	3,5	
---	---------------	--------	-----	-----	--

- Độ dốc dọc tuyến lớn nhất  $i=2,12\%$ , độ dốc ngang mặt đường  $i=2\%$ , độ dốc vỉa hè  $i=1,5\%$ .

- Vận tốc thiết kế: 30km/h, nút giao giữa các tuyến trong khu vực được thiết kế mở rộng góc giao theo bán kính  $R = 8-10m$ .

- Kết cấu áo đường: sử dụng kết cấu áo đường mềm, lớp mặt A1 với mô đun đàn hồi yêu cầu  $E_{yc} \geq 120Mpa$ , kết cấu từ trên xuống dưới như sau: mặt đường bê tông nhựa chặt 19 dày 7cm; tưới nhựa thấm bảm  $1,0kg/m^2$ ; lớp móng cấp phối đá dăm loại I, dày 15cm; lớp móng cấp phối đá dăm loại II, dày 25cm; lớp đất đầm chặt  $K \geq 0,98$ , dày 50cm.

- Thiết kế rãnh biên, hè đường, cây xanh:

+ Bó vỉa lắp ghép bằng bê tông xi măng mác 200, kích thước (26x23x100)cm, móng lót bằng vữa xi măng mác 100 dày 2cm.

+ Kết cấu rãnh biên lắp ghép bằng bê tông xi măng mác 200, kích thước (25x50x6)cm đặt trên lớp lót vữa xi măng mác 100, dày 4cm. Độ dốc rãnh biên nghiêng từ mặt đường vào mép bó vỉa  $i=20\%$ .

+ Vỉa hè đường: độ dốc ngang vỉa hè  $i=1,5\%$  hướng thoát nước ra phía mặt đường. Phần lát hè dùng chung loại kết cấu từ trên xuống dưới gồm: gạch tự chèn, dày 6cm; lớp cát đen tạo phẳng dày 2cm; bê tông xi măng mác 100, dày 10cm; lớp nilon chống thấm; nền đất đầm chặt  $K=0,95$ .

+ Bó gáy hè: xây gạch bê tông xi măng, dày 11cm, cao 22cm, bằng vữa xi măng mác 75, móng bằng bê tông xi măng mác 100, dày 10cm.

+ Cây xanh trên vỉa hè: Trồng cây xanh vào các hố chờ sẵn, khoảng cách trung bình 8m-10m/cây tùy vào từng vị trí. Kết cấu bồn trồng cây như sau : các bồn trồng cây xây bằng gạch không nung vữa xi măng mác 75; trát bồn cây bằng vữa xi măng mác 75, dày 1,5cm. Các cây được trồng sử dụng cây tiểu mộc có chiều cao tối thiểu từ 1,5m trở lên, đường kính cổ rễ từ 5cm trở lên; đối với các cây trung mộc và cây đại mộc có chiều cao tối thiểu từ 3m trở lên, đường kính cổ rễ từ 10cm trở lên.

- An toàn giao thông: thiết kế hệ thống vạch sơn biển báo hiệu trên lòng đường; kích thước, màu sắc và kiểu chữ ghi trên biển theo Quy chuẩn Việt Nam QCVN 41:2024/BGTVT về quy chuẩn Quốc Gia về báo hiệu đường bộ. Các loại vạch sơn được thiết kế trong dự án như: vạch 1.1; vạch 7.3; vạch 9.3; vạch giảm tốc độ,...

c) Hệ thống cấp điện, chiếu sáng:

- Đường dây trung thế 35KV: nguồn điện đầu nối cấp cho đường dây trung thế 35KV được lấy từ trạm biến áp Yên Trạch 4 hiện trạng thuộc lộ 971; tuyến dây đi nối trên 21 cột điện trung thế (*cột LT18D, móng MS6C*), khoảng cách trung bình các cột 60m; đường dây dẫn sử dụng cáp đồng CU/XLPE/PVC (3x95)mm<sup>2</sup>.

- Trạm biến áp: bố trí trạm biến áp công suất 400kVA-35/0,4kV cấp điện cho khu tái định cư, trạm tủ đặt tại phía Tây dự án.

- Cấp điện hạ thế 0,4KV: xây dựng tuyến đường dây 0,4kV sau trạm biến áp, chiều dài tuyến 547m; tuyến dây cấp điện hạ thế sử dụng cáp Cu/XLPE/PVC (3x70)mm, (3x50)mm, (3x25)mm luồn trong ống nhựa xoắn HDPE, đi ngầm dọc theo vỉa hè khu dân cư.

- Cấp điện chiếu sáng:

+ Hệ thống chiếu sáng hè phố đi ngầm trong hào cáp, chiều dài tuyến 831m; đèn loại cột thép bát giác tròn, cột liền cần cao 8m; cần đèn đơn, vươn 1,5m; móng cột bê tông xi măng mác 200; dùng đèn led công suất 100W.

+ Dây dẫn: từ trạm biến áp đến tủ điện chiếu sáng và từ tủ điện chiếu sáng đến các cột chiếu sáng dùng cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC (4x10)mm<sup>2</sup>. Dây từ đường trục rẽ vào mỗi đèn dùng dây Cu/PVC (2x2,5)mm<sup>2</sup> luồn trong thân đèn.

+ Hệ thống chiếu sáng đường phố được điều khiển bằng tủ tự động điều khiển chiếu sáng (TĐKCS) đặt ở trạm biến áp. Nguồn điện cấp cho các tủ này được lấy từ lộ ra của trạm biến áp xây dựng mới trong khu vực.

d) Hệ thống cấp nước

- Cấp nước: xây dựng giếng khoan kết hợp trạm cấp nước ngầm cấp nước cho dự án công suất 100m<sup>3</sup>/ng.đ; xây dựng bể chứa nước dung tích 210m<sup>3</sup> kết hợp trạm bơm tăng áp công suất 250m<sup>3</sup>/ng.đ; tuyến ống cấp nước phân phối sử dụng ống HDPE D110mm, D63mm tổng chiều dài tuyến ống 1.110m.

- Nguồn cấp nước cho dự án được lấy từ giếng khoan kết hợp trạm cấp nước ngầm công suất 100m<sup>3</sup>/ng.đ; nước giếng khoan được cấp cho bể nước ngầm dung tích 210m<sup>3</sup> kết hợp trạm bơm tăng áp công suất 250m<sup>3</sup>/ng.đ.

- Tuyến ống cấp nước phân phối sử dụng ống HDPE D110mm, D63mm bố trí dạng mạch vòng, đi ngầm dưới vỉa hè các tuyến đường giao thông, chờ cấp nước cho các hộ dân.

- Cấp nước chữa cháy chung với hệ thống cấp nước sinh hoạt; bố trí các họng chữa cháy trên vỉa hè cách đều 120m.

- Thoát nước mưa: nước mưa được thu gom dọc các tuyến đường vào hệ thống cống và hố ga. Hệ thống cống thoát nước mưa đặt ngầm dưới đường giao thông, cống thoát nước mưa sử dụng các loại cống tròn D300mm, D800mm, D1000mm bằng bê tông cốt thép; hệ thống thu nước chân taluy bằng rãnh hở B800, đáy rãnh, thành rãnh bằng bê tông xi măng; độ dốc cống thoát nước mưa được thiết kế đảm bảo thoát nước trên nguyên tắc tự chảy sau đó thoát ra hệ thống cống thoát nước của Quốc lộ 1.

- Thoát nước thải: hệ thống thoát nước thải thiết kế theo nguyên tắc tự chảy; nước thải sinh hoạt thông qua đường ống gom sử dụng ống HDPE D=300mm chạy dọc hành lang hạ tầng giữa các dãy nhà và dọc hè đường giao

thông nội bộ sau đó thông qua hố ga thu gom nước và cống thoát nước thải rồi về trạm xử lý nước thải có công suất 60m<sup>3</sup>/ngày đêm được đặt phía Tây dự án; nước thải sau khi được xử lý tại trạm xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn tại cột B QCVN 14:2008/BTNMT được thoát ra hệ thống thoát nước chung của Quốc lộ 1.

- Trạm xử lý nước thải được thiết kế xây dựng hoàn chỉnh gồm các hạng mục nhà điều hành, các máy móc thiết bị khác, với công suất 60m<sup>3</sup>/ngày đêm.

9. Bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo Quyết định này.

10. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

a) Số bước thiết kế: 02 bước.

b) Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- QCVN 10:2014/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng.

- QCVN 01:2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện.

- QCVN 18:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn trong thi công xây dựng.

- QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn Quốc gia, các công trình hạ tầng kỹ thuật.

- QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình; Sửa đổi 01:2023 QCVN 06:2022/BXD.

- QCVN 02:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng.

- QCVN 04-05:2022/BNNT Công trình thủy lợi - Quy định về thiết kế.

- QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn Quốc gia, các công trình hạ tầng kỹ thuật.

- QCVN 41:202024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ.

- TCVN 4447:2012 Công tác đất - Thi công và nghiệm thu.

- TCVN 5574:2018 Về thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép.

- TCVN 5573:2011 Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 5575:2024 Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 13592:2022 Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế.

- TCVN 4054:2005 Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế.

- TCCS 38:2022/TCĐBVN Áo đường mềm - Các yêu cầu chỉ dẫn và thiết kế.

- 22 TCN 223-1995 Áo đường cứng đường ô tô - tiêu chuẩn thiết kế.

- 22 TCN 211:2006 Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế.
- 22 TCN 273-2001 Tiêu chuẩn thiết kế nút giao thông
- TCVN 8859:2023 Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường.
- TCVN 13346:2021 Công trình phòng chống đất sụt trên đường ô tô - yêu cầu khảo sát và thiết kế.
- TCVN 9844:2013 Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu vải địa kỹ thuật trong xây dựng nền đắp trên đất yếu.
- TCVN 9152 : 2012 Công trình thủy lợi - Quy trình thiết kế tường chắn công trình thủy lợi.
- TCVN 13606:2023 Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Yêu cầu thiết kế.
- TCVN 7957:2023 Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Yêu cầu thiết kế.
- TCVN 9113:2012 Ống bê tông cốt thép thoát nước - tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 9116:2012 Cống hộp bê tông cốt thép - tiêu chuẩn thiết kế.
- Bộ TCVN 7447:2010 Hệ thống lắp đặt điện hạ áp.
- TCXDVN 259:2001 Tiêu chuẩn thiết kế chiếu sáng nhân tạo đường, đường phố, quảng trường đô thị.
- TCVN 2622:1995 Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình - Yêu cầu thiết kế.
- TCVN 6379:1998 Thiết bị chữa cháy - Trụ nước chữa cháy - Yêu cầu kỹ thuật.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng: **313.413.038.617 đồng**, trong đó:

- Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng: 26.296.036.000 đồng;
- Chi phí xây dựng : 228.100.520.592 đồng;
- Chi phí thiết bị: 11.848.069.550 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 2.822.480.868 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư: 11.732.003.288 đồng;
- Chi phí khác: 4.121.833.899 đồng;
- Chi phí dự phòng: 28.492.094.420 đồng.

12. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2025 - 2026.

13. Nguồn vốn đầu tư: ngân sách nhà nước thực hiện giải phóng mặt bằng dự án Tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư tự thực hiện quản lý dự án.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Xây dựng, UBND huyện Cao Lộc theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và trước Chủ tịch UBND tỉnh về tính hợp pháp, chính xác của nội dung, hồ sơ trình phê duyệt.

2. UBND huyện Cao Lộc (Chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo của Dự án theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực VI, UBND huyện Cao Lộc và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KTCN<sub>(HVTt)</sub>.

**CHỦ TỊCH**

**Hồ Tiến Thiệu**